

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HÀ TĨNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 170/2025/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung, mức chi và các điều kiện đảm bảo
hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hà Tĩnh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 2 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024; Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định chế độ, chính sách và các điều kiện hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025;

Xét Tờ trình số 699/TTr-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hà Tĩnh; Văn bản số 606/HĐND-PC ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất áp dụng trình

tự, thủ tục rút gọn đối với việc xây dựng Nghị quyết; Báo cáo thẩm tra số 720/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung, mức chi và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.
2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 82/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.
3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.
4. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện Nghị quyết.
5. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 34 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr: Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm CB-TH, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Linh

(Handwritten signature)



QUY ĐỊNH

Một số nội dung, mức chi và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hà Tĩnh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 170/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hà Tĩnh, gồm:

- Chi các hoạt động phục vụ kỳ họp;
- Chi công tác xây dựng văn bản;
- Chi các hoạt động giám sát, khảo sát, các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tập huấn, tiếp công dân;
- Chi hoạt động tiếp xúc cử tri, thảo luận tổ đại biểu Hội đồng nhân dân;
- Một số điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;
- Một số chế độ chi hỗ trợ khác.

2. Đối tượng áp dụng

Chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo được áp dụng cho Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hà Tĩnh; các tổ chức, cá nhân liên quan và các đối tượng khác được yêu cầu tham gia, phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Sử dụng có hiệu quả, đúng quy định pháp luật kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

2. Các mức chi quy định tại Nghị quyết này là mức tối đa. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương, dự toán được giao hằng năm và các quy định hiện hành của Nhà nước, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định mức chi phù hợp.

3. Các khoản chi không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các chế độ, chính sách hiện hành. Đối với các nội dung chi chưa quy định mức chi cụ thể, Hội đồng nhân dân các cấp giao Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định.

4. Trường hợp các đối tượng, nội dung chi tại Nghị quyết này được hưởng đồng thời nhiều chính sách hỗ trợ cùng mục đích thì chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ cao nhất.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Chi hoạt động phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Chế độ bồi dưỡng tại kỳ họp

a) Chủ tọa kỳ họp:

- Cấp tỉnh: 250.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 200.000 đồng/người/buổi.

b) Thư ký kỳ họp:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 150.000 đồng/người/buổi.

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu dự kỳ họp theo giấy mời:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

d) Đối tượng phục vụ kỳ họp:

- Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

Trường hợp kỳ họp tổ chức vào ngày nghỉ (thứ Bảy, Chủ nhật) mức chi bằng 200% mức chi nêu trên; tổ chức vào ngày lễ, tết mức chi bằng 300% mức chi nêu trên, áp dụng cho các đối tượng tại khoản 1 Điều này.

2. Chế độ ăn, nghỉ của đại biểu dự kỳ họp

a) Chi giải khát giữa giờ:

- Cấp tỉnh: 50.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định việc tổ chức ăn tập trung, với mức chi không quá 250.000 đồng/suất/bữa ăn.

c) Chế độ nghỉ đối với các đại biểu dự kỳ họp do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.

Điều 4. Chi công tác xây dựng văn bản

1. Chi xây dựng các văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân trình kỳ họp:

- a) Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/văn bản;
- b) Cấp xã: 750.000 đồng/văn bản.

2. Chi xây dựng các báo cáo của Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh (báo cáo thực hiện nghị quyết Đảng cấp trên, báo cáo tổng kết, báo cáo liên quan đến kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, báo cáo về hoạt động bầu cử trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy): 1.000.000 đồng/báo cáo.

3. Chi việc rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân:

- a) Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/ng nghị quyết; riêng nghị quyết về nhân sự 500.000 đồng/ng nghị quyết;
- b) Cấp xã: 750.000 đồng/ng nghị quyết; riêng nghị quyết về nhân sự 200.000 đồng/ng nghị quyết.

4. Chi xây dựng văn bản đối với hoạt động giám sát, khảo sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các nội dung xử lý giữa 02 kỳ họp:

- a) Chương trình, kế hoạch, nghị quyết, quyết định thành lập đoàn giám sát, đề cương giám sát, khảo sát; báo cáo thẩm tra:
 - Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/văn bản;
 - Cấp xã: 750.000 đồng/văn bản.
- b) Báo cáo kết quả giám sát, khảo sát:
 - Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/báo cáo;
 - Cấp xã: 1.500.000 đồng/báo cáo.

Điều 5. Chi hoạt động giám sát, khảo sát, cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tập huấn, tiếp công dân của Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; cuộc họp, hội nghị của Đảng ủy Hội đồng nhân dân (ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành)

1. Trưởng đoàn, Chủ trì:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 150.000 đồng/người/buổi.

2. Đại biểu mời dự theo giấy mời:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

3. Đối tượng phục vụ:

- Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

Trường hợp tổ chức giám sát, khảo sát, làm việc vào ngày nghỉ (thứ 7, chủ nhật), mức chi bằng 200% mức chi nêu trên; tổ chức vào ngày lễ, tết mức chi bằng 300% mức chi nêu trên, áp dụng cho các đối tượng tại Điều này.

Điều 6. Chi công tác tiếp xúc cử tri, thảo luận tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Hỗ trợ điểm tổ chức tiếp xúc cử tri, thảo luận tổ đại biểu theo kế hoạch của Thường trực Hội đồng nhân dân (hỗ trợ hội trường, maket, nước uống,...)

- Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/điểm/đợt.
- Cấp xã: 1.000.000 đồng/điểm/đợt.

2. Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, đại biểu Hội đồng nhân dân được khoán tiếp xúc cử tri, thảo luận tổ theo mức:

a) Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách:

- Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/người/năm;
- Cấp xã: 2.000.000 đồng/người/năm.

b) Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân không chuyên trách:

- Cấp tỉnh: 4.000.000 đồng/người/năm;
- Cấp xã: 1.500.000 đồng/người/năm.

Điều 7. Một số điều kiện đảm bảo cho hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân

Đại biểu Hội đồng nhân dân đồng thời là đại biểu Quốc hội hoặc Hội đồng nhân dân 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã) thì chỉ được hỗ trợ một mức cao nhất và do cấp đó chi trả.

1. Mỗi nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được hỗ trợ may 02 bộ trang phục:

- Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/bộ/người;
- Cấp xã: 3.000.000 đồng/bộ/người.

2. Khoán cấp tài liệu (bao gồm: công báo, báo nhân dân, báo địa phương); hỗ trợ công tác chuyển đổi số, ứng dụng AI (Artificial Intelligence - trí tuệ nhân tạo) để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

a) Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách:

- Cấp tỉnh: 700.000 đồng/người/tháng;

- Cấp xã: 300.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân không chuyên trách:

- Cấp tỉnh: 400.000 đồng/người/tháng;

- Cấp xã: 200.000 đồng/người/tháng.

3. Hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe; nghỉ dưỡng hằng năm cho đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/người/năm;

- Cấp xã: 1.500.000 đồng/người/năm.

4. Hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân tự nghiên cứu đề tham gia ý kiến, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách:

- Cấp tỉnh: 10.000.000 đồng/đại biểu/năm;

- Cấp xã: 2.000.000 đồng/đại biểu/năm.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân không chuyên trách:

- Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/đại biểu/năm;

- Cấp xã: 1.000.000 đồng/đại biểu/năm.

5. Mỗi nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được cấp 01 máy vi tính xách tay hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương theo định mức hiện hành; các thiết bị được trang cấp phải đảm bảo cấu hình, hệ điều hành thông dụng tương thích với các phần mềm dùng chung.

6. Chi tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân đi bồi dưỡng nghiệp vụ, học tập, trao đổi kinh nghiệm liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân: Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp căn cứ điều kiện kinh phí và nhu cầu thực tiễn hằng năm để lập kế hoạch, dự toán cụ thể và phê duyệt thực hiện.

Điều 8. Một số chế độ chi hỗ trợ khác

1. Chế độ thăm hỏi, trợ cấp ốm đau, tang lễ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân và thân nhân (bao gồm: cha mẹ đẻ, vợ (chồng), con); nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách; công chức, người lao động thuộc văn phòng phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp: mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.

2. Chế độ tặng quà lưu niệm

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân được tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ:

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/người;

- Cấp xã: 1.000.000 đồng/người.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân thôi làm nhiệm vụ đại biểu được tặng quà lưu niệm:

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/người;
- Cấp xã: 1.000.000 đồng/người.

c) Đại biểu tham dự tổng kết hoạt động hằng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân được tặng quà lưu niệm:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người/năm;
- Cấp xã: 300.000 đồng/người/năm.

3. Chế độ tặng quà các ngày lễ, tết cho đối tượng chính sách và đối tượng khác

Chế độ tặng quà được thực hiện đối với các đối tượng sau: các đối tượng chính sách được quy định tại Điều 3 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân; hộ nghèo, nạn nhân chất độc màu da cam có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội như trại điều dưỡng thương binh, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; trường dân tộc nội trú, các đơn vị bộ đội, công an ở biên giới, hải đảo..., khi đoàn tổ chức thăm hỏi thì được tặng quà. Mức giá trị quà tặng và thành phần đi tặng quà do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.

4. Chế độ chi công tác thông tin, tuyên truyền các hoạt động của Hội đồng nhân dân (họp báo trước và sau kỳ họp; tuyên truyền tiếp xúc cử tri, kết quả kỳ họp, các hoạt động chuyên đề của Hội đồng nhân dân...): do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.

5. Công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp tham mưu, giúp việc và các đối tượng khác phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân (có phân công bằng văn bản) được hỗ trợ như sau:

a) Đối với nội dung tại điểm b khoản 2 Điều 6; khoản 1, khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 2 Điều 8 Quy định này: hỗ trợ công chức, người lao động bằng mức 70% của đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp;

b) Đối với nội dung tại khoản 2, khoản 4 Điều 7 Quy định này: hỗ trợ công chức trực tiếp tham mưu, giúp việc hoạt động của Hội đồng nhân dân bằng mức 70% của đại biểu Hội đồng nhân dân không chuyên trách cùng cấp.

Điều 9. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo, được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm và quyết toán với ngân sách cùng cấp.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH